

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2 Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Hải	Chủ tịch
Ông Hoàng Hợp Thương	Ủy viên
Ông Đỗ Công Hiền	Ủy viên
Ông Nguyễn Khắc Đạt	Ủy viên
Ông Lại Văn Thắng	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Văn Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Cầu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Minh Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thái Dương	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Phạm Văn Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2011

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 29. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910- Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 05 tháng 8 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Minh Hiền
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1286/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.217.986.452.409	1.218.000.178.109
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	165.861.049.446	171.323.201.245
1. Tiền	111		55.861.049.446	21.323.201.245
2. Các khoản tương đương tiền	112		110.000.000.000	150.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	5.000.000.000	10.400.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.000.000.000	10.400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		288.032.273.122	261.660.733.595
1. Phải thu khách hàng	131		239.827.129.548	213.190.858.679
2. Trả trước cho người bán	132		46.576.222.912	45.166.168.113
3. Các khoản phải thu khác	135		3.116.732.098	4.791.518.239
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.487.811.436)	(1.487.811.436)
IV. Hàng tồn kho	140	7	708.824.088.929	730.385.602.428
1. Hàng tồn kho	141		708.824.088.929	730.385.602.428
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		50.269.040.912	44.230.640.841
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.248.265.236	1.731.717.044
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.102.580.009	1.793.857.258
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	46.918.195.667	40.705.066.539
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260+269)	200		283.543.389.490	277.722.568.422
I. Tài sản cố định	220		63.766.156.927	60.122.841.731
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	52.014.769.726	50.843.013.846
- Nguyên giá	222		129.017.261.504	126.988.338.657
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.002.491.778)	(76.145.324.811)
2. Tài sản cố định vô hình	227		3.494.619.769	3.580.718.351
- Nguyên giá	228		3.956.528.366	3.956.528.366
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(461.908.597)	(375.810.015)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	8.256.767.432	5.699.109.534
II. Bất động sản đầu tư	240	11	191.235.106.275	189.229.370.656
- Nguyên giá	241		208.059.922.307	200.278.499.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(16.824.816.032)	(11.049.128.864)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	1.311.067.918	12.911.067.918
1. Đầu tư dài hạn khác	258		1.800.000.000	13.400.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(488.932.082)	(488.932.082)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		20.441.329.707	7.699.598.216
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		15.307.496.404	3.804.740.581
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	14	5.133.833.303	3.894.857.635
V. Lợi thế thương mại	269	15	6.789.728.663	7.759.689.901
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.501.529.841.899	1.495.722.746.531

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2 Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ
ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06 /2011**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.305.611.786.220	1.347.742.072.882
I. Nợ ngắn hạn	310		802.863.604.131	805.708.837.804
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	315.233.575.421	353.089.377.002
2. Phải trả người bán	312		135.820.574.552	170.044.695.102
3. Người mua trả tiền trước	313		143.410.455.011	83.442.885.418
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	37.713.694.707	23.485.054.789
5. Phải trả người lao động	315		11.427.628.413	24.592.714.055
6. Chi phí phải trả	316	18	69.148.462.003	46.440.896.648
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	86.315.435.469	101.359.734.344
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.793.778.555	3.253.480.446
II. Nợ dài hạn	330		502.748.182.089	542.033.235.078
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.290.000.400	1.290.000.400
2. Vay và nợ dài hạn	334	20	4.797.233.100	46.156.804.246
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		786.370.109	791.681.109
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	21	495.874.578.480	493.794.749.323
B - NGUỒN VỐN (400=410)	400		190.185.124.490	142.254.840.978
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	190.185.124.490	142.254.840.978
1. Vốn điều lệ	411		120.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34.963.684.000	34.850.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2.944.557.360)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.811.983.527	11.512.035.419
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.513.553.426	2.597.769.415
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20.840.460.897	13.295.036.144
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		5.732.931.189	5.725.832.671
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		1.501.529.841.899	1.495.722.746.531

Phạm Văn Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2011

Lại Văn Thăng
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2 Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ
ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06 /2011**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	411.762.199.523	310.511.635.670
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		411.762.199.523	310.511.635.670
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	360.278.284.080	283.674.856.563
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		51.483.915.443	26.836.779.107
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	7.877.410.809	8.083.617.045
7. Chi phí tài chính	22		19.712.051.704	11.644.844.730
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.712.051.704	11.644.844.730
8. Chi phí bán hàng	24		1.006.867.732	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.014.198.937	9.708.204.080
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		20.628.207.879	13.567.347.342
11. Thu nhập khác	31		5.155.268.914	1.183.059.178
12. Chi phí khác	32		4.099.058.427	35.595.689
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.056.210.487	1.147.463.489
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		21.684.418.366	14.714.810.831
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		9.916.584.535	1.987.071.418
16. (Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52	14	(1.238.975.668)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		13.006.809.499	12.727.739.413
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(54.295.482)	-
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		13.061.104.981	12.727.739.413
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.253	1.591

Phạm Văn Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2011

Lại Văn Thắng
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21.684.418.366	14.714.810.831
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.742.734.466	7.832.409.773
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(9.343.537.137)	(8.887.379.538)
Chi phí lãi vay	06	19.712.051.704	11.644.844.730
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	43.795.667.399	25.304.685.796
(Tăng) các khoản phải thu	09	(23.341.192.518)	(5.262.742.487)
Giảm hàng tồn kho	10	21.561.513.499	47.251.226.390
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	35.396.721.084	79.364.869.161
(Tăng) chi phí trả trước	12	(12.019.304.015)	(3.260.315.522)
Tiền lãi vay đã trả	13	(19.760.839.423)	(11.332.169.411)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.879.431.835)	(7.847.484.606)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.042.655.238	10.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.692.990.418)	(568.598.940)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	40.102.799.011	123.659.470.381
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(19.940.171.490)	(66.957.745.516)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.021.725.628	835.753.160
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(35.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.400.000.000	5.000.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	11.600.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.199.741.139	5.613.908.267
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.281.295.277	(90.508.084.089)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông	31	40.113.684.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các cổ đông, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(2.944.557.360)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	203.802.429.161	128.244.106.761
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(283.017.801.888)	(173.671.031.680)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(12.800.000.000)	(12.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(54.846.246.087)	(58.226.924.919)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(5.462.151.799)	(25.075.538.627)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	171.323.201.245	153.344.085.839
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	165.861.049.446	128.268.547.212

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

Phạm Văn Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2011

Lại Văn Thắng
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Xây dựng số 9 được thành lập theo Quyết định số 129/BXD-TC ngày 15 tháng 11 năm 1977 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Từ ngày 08 tháng 4 năm 2005, Công ty Xây dựng số 9 được chuyển thành Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 theo Quyết định số 1731/QĐ-BXD ngày 04 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103007318 ngày 08 tháng 4 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp công ty cổ phần, thay đổi lần 5 ngày 27 tháng 05 năm 2011 là 120.000.000.000 VND, trong đó, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam là 54,33%, tỷ lệ sở hữu của các cổ đông khác là 45,67%.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2 Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 919 (31/12/2010: 948).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bao gồm các hoạt động sau:

- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, xây dựng nhà ở, các công trình giao thông, thủy lợi, buro điện, cấp thoát nước, nền móng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế điện;
- Kinh doanh phát triển khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp và kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, vật tư thiết bị ngành xây dựng;
- Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông, lâm, thủy sản, hàng tiêu dùng, đồ gỗ nội ngoại thất phục vụ sản xuất và tiêu dùng;
- Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị và vật liệu xây dựng;
- Khai thác kinh doanh nước sạch, năng lượng điện;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải, dịch vụ trông giữ xe.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đây là báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập hàng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 5 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 47
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị quản lý	3 - 6
Tài sản khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị có liên quan do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm cho vật kiến trúc và 10 năm cho các thiết bị không thể tách rời với bất động sản đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất riêng của Công ty theo giá gốc trừ (-) dự phòng giảm giá (nếu có). Các khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản mua cổ phần của các công ty cổ phần. Các khoản đầu tư được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được xác định riêng cho từng khoản đầu tư có tổn thất theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn “Chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, trang thiết bị nội thất văn phòng chờ phân bổ. Thời gian phân bổ là trong vòng 24 tháng kể từ ngày xuất dùng.

Nguồn vốn - quỹ

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp công ty cổ phần, thay đổi lần 5 ngày 27 tháng 05 năm 2011 là 120.000.000.000 VND, trong đó, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam là 54,33%, tỷ lệ sở hữu của các cổ đông khác là 45,67%.

Việc trích lập các quỹ như Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành sẽ do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Kinh doanh bất động sản: Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng thực tế phát sinh và ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi thực tế sẽ được ghi giảm vào tài khoản chi phí phải trả này.

Doanh thu hoạt động tài chính là khoản thu lãi từ các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn và các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2 Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ
 ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	7.892.607.935	5.515.449.965
Tiền gửi ngân hàng	47.968.441.511	15.807.751.280
Các khoản tương đương tiền (i)	110.000.000.000	150.000.000.000
	165.861.049.446	171.323.201.245

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với mức lãi suất tùy theo quy định của từng ngân hàng tại từng thời điểm khác nhau.

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp toàn bộ tiền gửi tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Tây để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng này. Số dư tiền gửi tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2011 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Tây là 80.282.060.806 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 51.112.979.839 VND).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 (Vinaconex 12)	-	5.400.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11 (Vinaconex 11)	5.000.000.000	5.000.000.000
	5.000.000.000	10.400.000.000

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền Công ty cho vay ngắn hạn với thời gian thu hồi dưới 1 năm.

7. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.899.907.604	9.530.341.757
Công cụ, dụng cụ	891.435.114	975.606.812
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	696.930.099.635	719.771.668.482
Thành phẩm	102.646.576	107.985.377
	708.824.088.929	730.385.602.428

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, giá trị quyền sử dụng đất tại số 3 Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An được trình bày tại “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang” tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 với giá trị là 15.616.712.117 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 15.616.712.117 VND) được sử dụng để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel.

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tạm ứng	46.262.020.667	30.934.926.539
Ký quỹ	656.175.000	9.770.140.000
	46.918.195.667	40.705.066.539

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2, Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ
 ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2011	18.240.408.980	72.487.017.505	30.650.942.025	3.051.451.387	2.558.518.760	126.988.338.657
Mua sắm mới	-	7.477.849.743	1.700.000.000	212.600.000	146.620.000	9.537.069.743
XDCB hoàn thành	64.021.062	-	-	-	-	64.021.062
Thanh lý	(3.479.239.054)	(2.727.302.445)	(642.305.538)	(535.874.807)	(187.446.114)	(7.572.167.958)
Tại ngày 30/06/2011	<u>14.825.190.988</u>	<u>77.237.564.803</u>	<u>31.708.636.487</u>	<u>2.728.176.580</u>	<u>2.517.692.646</u>	<u>129.017.261.504</u>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2011	5.897.451.293	50.494.189.344	15.940.510.514	2.210.024.922	1.603.148.738	76.145.324.811
Trích khấu hao trong kỳ	710.819.142	2.898.536.809	1.977.150.444	183.804.650	110.637.671	5.880.948.716
Thanh lý	(1.079.593.522)	(2.581.209.995)	(642.305.538)	(533.226.580)	(187.446.114)	(5.023.781.749)
Tại ngày 30/06/2011	<u>5.528.676.913</u>	<u>50.811.516.158</u>	<u>17.275.355.420</u>	<u>1.860.602.992</u>	<u>1.526.340.295</u>	<u>77.002.491.778</u>
Giá trị còn lại						
Tại ngày 30/06/2011	<u>9.296.514.075</u>	<u>26.426.048.645</u>	<u>14.433.281.067</u>	<u>867.573.588</u>	<u>991.352.351</u>	<u>52.014.769.726</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>12.342.957.687</u>	<u>21.992.828.161</u>	<u>14.710.431.511</u>	<u>841.426.465</u>	<u>955.370.022</u>	<u>50.843.013.846</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, một số tài sản bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 26.809.704.096 VND (31 tháng 12 năm 2010: 25.284.671.746 VND) được sử dụng để đảm bảo cho các khoản tiền vay.

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 39.532.758.131 VND (31 tháng 12 năm 2010: 41.945.943.749 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2 Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ
 ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Đầu kỳ	5.699.109.534	121.094.401.717
Tăng trong kỳ	10.403.101.747	65.978.153.833
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(7.781.422.787)	(164.529.441.541)
Chuyển sang tài sản cố định	(64.021.062)	-
Số dư cuối kỳ	8.256.767.432	22.543.114.009

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2011	116.244.451.694	84.034.047.826	200.278.499.520
Tăng khác	7.642.570.787	138.852.000	7.781.422.787
Tại ngày 30/06/2011	123.887.022.481	84.172.899.826	208.059.922.307
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2011	2.476.006.821	8.573.122.043	11.049.128.864
Trích khấu hao trong kỳ	1.482.183.547	4.293.503.621	5.775.687.168
Tại ngày 30/06/2011	3.958.190.368	12.866.625.664	16.824.816.032
Giá trị còn lại			
Tại ngày 30/06/2011	119.928.832.113	71.306.274.162	191.235.106.275
Tại ngày 31/12/2010	113.768.444.873	75.460.925.783	189.229.370.656

Bất động sản đầu tư là giá trị tòa nhà Vinaconex 9 tại lô HH2-2, xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Tiền thuê Công ty thu được từ việc cho thuê và vận hành bất động sản đầu tư trong kỳ là 11.357.328.520 VND. Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong kỳ là 8.630.623.669 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đánh giá không có chênh lệch trọng yếu giữa giá trị còn lại và giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2 Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ
 ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần cơ khí Xây dựng Vinaconex 20 (VC20)	Nghệ An	64%	64%	Đầu tư bất động sản và xây dựng

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng số 45	1.250.000.000	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	550.000.000	550.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	-	11.600.000.000
Giá gốc đầu tư dài hạn	1.800.000.000	13.400.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(488.932.082)	(488.932.082)
	1.311.067.918	12.911.067.918

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh do chênh lệch giữa chi phí giá vốn kết chuyển trong kỳ theo dự toán chi phí và chi phí phát sinh thực tế của dự án khu đô thị mới Chí Đông.

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2011	9.699.612.376
Tăng do mua Công ty con	-
Tại ngày 30/06/2011	9.699.612.376
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2011	1.939.922.475
Trích khấu hao trong kỳ	969.961.238
Tại ngày 30/06/2011	2.909.883.713
Giá trị còn lại	
Tại ngày 30/06/2011	6.789.728.663
Tại ngày 31/12/2010	7.759.689.901

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2 Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ
 ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (i)	66.846.586.061	80.344.294.308
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nguyễn Trãi (ii)	37.689.628.260	101.549.113.065
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	-	10.325.444.629
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (iii)	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel (iv)	49.500.000.000	9.500.000.000
Công ty Cổ phần Thép và vật tư công nghiệp - Simco (v)	20.000.000.000	-
Vay cá nhân tại VC20 (vi)	74.371.035.000	89.938.025.000
Vay cá nhân tại VC9 (vii)	13.250.000.000	4.017.500.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.576.326.100	7.415.000.000
	315.233.575.421	353.089.377.002

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2010/HĐ ngày 22 tháng 6 năm 2010 với thời hạn 6 tháng, mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động với tổng dư nợ tối đa là 120 tỷ VND (bao gồm vay, cấp bảo lãnh thanh toán, mở LC). Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, trong trường hợp có sự biến động của lãi suất thị trường vốn thì Ngân hàng được điều chỉnh lãi suất và thông báo tới Công ty. Thông báo này sẽ được coi là phụ lục không thể tách rời của hợp đồng tín dụng này. Tài sản đảm bảo là toàn bộ số dư tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Tây và tại các tổ chức tín dụng khác, các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Nguyễn Trãi theo Công văn số 2688/CV-NHCT5 ngày 25 tháng 5 năm 2010 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam cho phép Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – chi nhánh Nguyễn Trãi duyệt hạn mức tín dụng đối với Công ty là 280 tỷ VND; trong đó, hạn mức tín dụng cho vay ngắn hạn là 100 tỷ VND; hạn mức tín dụng cho vay trung và dài hạn là 30 tỷ VND; hạn mức bảo lãnh là 150 tỷ VND. Lãi suất sẽ được thông báo cho từng thời kỳ. Khoản vay và bảo lãnh ngắn hạn không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn từ Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam bao gồm 2 khoản là 30 tỷ VND theo Khế ước số 07/2010/KUVV với thời hạn vay từ ngày 29 tháng 09 năm 2010 đến ngày 29 tháng 09 năm 2011 và 20 tỷ VND theo Khế ước số 07/2010/PLKUVV với thời hạn vay từ ngày 12 tháng 11 năm 2010 đến ngày 12 tháng 11 năm 2011. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (iv) Khoản vay ngắn hạn từ Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel bao gồm 2 khoản sau:

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 21/2010/TDHM-VC20 với hạn mức tín dụng là 10,9 tỷ VND trong thời gian 6 tháng kể từ ngày 6 tháng 12 năm 2010, mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động thực hiện xây dựng công trình thuộc Dự án khu tổ hợp Trung tâm thương mại, khách sạn cao tầng, văn phòng cho thuê, chung cư cao tầng và nhà ở liền kề tại số 3 Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Thời hạn vay là 6 tháng cho từng lần rút vốn, lãi suất được điều chỉnh 1 tháng 1 lần vào ngày 26 hàng tháng theo quy định của Bên cho vay. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại số 3 Mai Hắc Đế, phường Quán Bàu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 190411/TTDHM-VC9 ngày 19 tháng 04 năm 2011 với thời hạn 12 tháng, hạn mức cho vay là 50 tỷ VND, lãi suất được xác định theo chế độ lãi suất của bên cho vay theo từng thời kỳ và điều chỉnh 1 tháng/lần. Tài sản đảm bảo là toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng và các khoản phải thu của Công ty.

- (v) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp - Simco theo khế ước vay vốn ngày 24 tháng 4 năm 2011 với thời hạn 6 tháng, lãi suất cố định là 18,5%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (vi) Vay cá nhân tại VC20 là các khoản huy động vốn từ các cá nhân để được ưu tiên mua nhà ở liền kề thuộc Dự án Khu tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê, chung cư cao tầng và nhà ở liền kề tại số 3 Mai Hắc Đế, thành phố Vinh với thời hạn 6 tháng và lãi suất là 5%/ năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (vii) Các khoản vay ngắn hạn từ cá nhân có thời hạn dưới 1 năm, mục đích là bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay là 16%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	31.153.046.246	22.807.180.585
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.152.313.023	115.160.323
Thuế thu nhập cá nhân	1.399.693.961	562.713.881
Các loại thuế khác	8.641.477	-
	37.713.694.707	23.485.054.789

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2 Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ
ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí đất thương phẩm (i)	43.912.241.860	32.795.067.954
Trích trước chi phí mua vật tư	3.125.494.151	10.701.325.630
Thù lao thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát	-	915.000.000
Chi phí lãi vay	1.001.539.273	584.582.109
Chi phí trích trước hạ tầng dự án Chi Đông (ii)	20.535.333.210	-
Khác	573.853.509	1.444.920.955
	69.148.462.003	46.440.896.648

- (i) Theo Quyết định cấp đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cho dự án khu đô thị mới Chi Đông, Công ty phải trích lại 25,018% chi phí đất thương phẩm để trả lại Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Chi phí này thể hiện số tiền Công ty ước tính sẽ trả lại Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cho giá trị đất thương phẩm.
- (ii) Chi phí trích trước hạ tầng dự án Chi Đông phản ánh chi phí xây dựng hạ tầng chưa phát sinh theo dự toán nhưng Công ty đã trích vào giá vốn bán hạ tầng và nhà ở cho khách hàng.

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải trả hoàn ứng chi phí	55.728.610.498	54.786.420.166
Đặt cọc mua dự án khu đô thị mới Chi Đông	7.300.964.650	16.480.854.600
BHXX, BHYT, BHTN, kinh phí công đoàn	3.334.849.008	1.637.742.971
Tạm trích trả cổ tức cho kết quả kinh doanh năm 2010	-	12.800.000.000
Khác	19.951.011.313	15.654.716.607
	86.315.435.469	101.359.734.344

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	-	44.602.474.146
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nguyễn Trãi (i)	8.373.559.200	8.969.330.100
	8.373.559.200	53.571.804.246
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(3.576.326.100)	(7.415.000.000)
	4.797.233.100	46.156.804.246

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (i) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Nguyễn Trãi:
- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 86/HĐTD2009 ngày 06 tháng 11 năm 2009 với hạn mức tín dụng là 2.289.825.050 VND, thời hạn vay 35 tháng, mục đích vay là để đầu tư 01 máy bơm bê tông hiệu EVERDIGM và 01 cầu tháp hiệu Zoolion. Khoản vay chịu lãi suất là lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng phát hành cộng (+) biên độ 3%/năm nhưng không thấp hơn 10,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 496.326.100 VND.
 - Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 28/HĐTD2010 ngày 19 tháng 10 năm 2010 với hạn mức tín dụng là 3.280.875.000 VND, thời hạn vay 35 tháng kể từ ngày nhận nợ là ngày 11 tháng 01 năm 2011, mục đích vay là để đầu tư 01 cầu tháp và vận thăng lồng Liftec. Khoản vay chịu lãi suất là lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng phát hành cộng (+) biên độ theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Nguyễn Trãi. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 3.280.875.000 VND.
 - Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 30/HĐTD2010 ngày 19 tháng 10 năm 2010 với hạn mức tín dụng là 5.646.358.100 VND, thời hạn vay 47 tháng kể từ ngày nhận nợ 23 tháng 02 năm 2011, mục đích vay là để đầu tư hệ thống cấp pha định hình. Khoản vay chịu lãi suất là lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng phát hành cộng (+) biên độ theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Nguyễn Trãi. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 5.646.358.100 VND.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.576.326.100	7.415.000.000
Trong năm thứ hai	3.080.000.000	888.630.100
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.717.233.100	45.268.174.146
Sau năm năm	-	-
	8.373.559.200	53.571.804.246
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(3.576.326.100)	(7.415.000.000)
	4.797.233.100	46.156.804.246

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Doanh thu cho thuê hoạt động tòa nhà		
Vinaconex 9 (i)	192.362.382.312	175.392.591.859
Doanh thu bán hạ tầng khu đô thị Chi Đông (ii)	124.963.122.456	146.958.636.145
Doanh thu bán hạ tầng khu đô thị Nghi Phú (ii)	175.033.795.348	167.928.242.955
Doanh thu khác	3.515.278.364	3.515.278.364
	495.874.578.480	493.794.749.323

- (i) Doanh thu chưa thực hiện cho thuê hoạt động tòa nhà Vinaconex 9 là khoản tiền nhận được từ khách hàng từ việc cho thuê hoạt động tòa nhà Vinaconex 9 chưa được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- (ii) Doanh thu chưa thực hiện bán hạ tầng các khu đô thị là số tiền nhận được từ khách hàng theo tiến độ quy định trong hợp đồng mua bán nhưng Công ty chưa hoàn thành và bàn giao hạ tầng cho khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2, Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ
 ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị: VND

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2010	80.000.000.000	34.850.000.000	-	6.948.085.369	2.153.361.640	22.434.396.467	146.385.843.476
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	26.095.036.144	26.095.036.144
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	4.563.950.050	444.407.775	(9.634.396.467)	(4.626.038.642)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(25.600.000.000)	(25.600.000.000)
Tại ngày 01/01/2011	80.000.000.000	34.850.000.000	-	11.512.035.419	2.597.769.415	13.295.036.144	142.254.840.978
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	13.061.104.981	13.061.104.981
Tăng vốn điều lệ	40.000.000.000	113.684.000	-	-	-	-	40.113.684.000
Trích Quỹ từ lợi nhuận (i)	-	-	-	2.299.948.108	915.784.011	(3.215.732.119)	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(2.944.557.360)	-	-	-	(2.944.557.360)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(2.299.948.109)	(2.299.948.109)
Tại ngày 30/06/2011	120.000.000.000	34.963.684.000	(2.944.557.360)	13.811.983.527	3.513.553.426	20.840.460.897	190.185.124.490

- (i) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận của năm 2010 vào các quỹ theo Nghị quyết số 01/2011/NQ -ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 4 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2 Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ
 ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Cổ phiếu**

	30/06/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	8.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Doanh thu bán hàng hóa vật tư và thành phẩm	232.777.273	466.250.155
Doanh thu xây lắp	299.154.234.784	304.801.773.957
Doanh thu bán hạ tầng, nhà ở và chung cư	99.776.780.227	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.598.407.239	5.243.611.558
	411.762.199.523	310.511.635.670

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Giá vốn bán hàng hóa vật tư và thành phẩm	232.777.273	466.250.155
Giá vốn xây lắp	276.541.477.342	278.206.874.582
Giá vốn bán hạ tầng, nhà ở và chung cư	74.564.891.240	-
Giá vốn dịch vụ cung cấp	8.939.138.225	5.001.731.826
	360.278.284.080	283.674.856.563

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.213.440.027	8.083.617.045
Cổ tức, lợi nhuận được chia	38.500.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	335.470.782	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	290.000.000	-
	7.877.410.809	8.083.617.045

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2 Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ
 ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	111.220.100.167	161.632.129.743
Chi phí nhân công	39.339.149.087	25.294.149.621
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.936.651.624	7.832.409.773
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.949.088.824	12.959.976.153
Chi phí bằng tiền khác	160.150.086.487	64.274.396.964
	332.595.076.189	271.993.062.254

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.061.104.981	12.727.739.413
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	13.061.104.981	12.727.739.413
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.420.112	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.253	1.591

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	19.701.787.121	30.535.535.710
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	235.684.237	95.285.684
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	-	196.793.856
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	3.230.776.224	368.417.592
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	223.256.518	660.777.811
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	459.715.530	347.297.519
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	2.910.370.856	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Vinaconex	5.192.659.657	216.086.551
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	1.077.946.333	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	11.099.346.732	-
BQL dự án Đầu tư xây dựng Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	14.567.902.430	23.793.194.950
BDH Dự án xây dựng ĐHQG TP Hồ Chí Minh	5.615.073.938	-
BDH thi công GĐ 1 dự án KĐT Bắc An Khánh	104.211.663.842	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2 Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ
 ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 VND
<i>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	23.098.347.131	29.668.697.023
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	218.549.403	71.909.510
Công ty Cổ phần Vinaconex 6	-	196.793.856
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	2.865.046.124	345.165.872
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	244.460.417	598.704.138
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	288.446.505	323.411.029
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	2.413.169.211	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Vinaconex	3.751.574.300	216.086.551
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	922.992.635	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	10.045.435.691	-
BQL dự án Đầu tư xây dựng Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	13.508.242.577	22.204.325.703
BĐH Dự án xây dựng ĐHQG TP Hồ Chí Minh	5.202.215.563	-
BĐH thi công GĐ 1 dự án KĐT Bắc An Khánh	95.727.749.724	-
<i>Mua hàng</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	210.661.359	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	-	17.293.086
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	92.955.425.141	16.333.454.728
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	676.674.061	189.201.394
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	12.881.177.000	-
Công ty Cổ phần VIMECO	7.279.796.137	4.382.348.067
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	221.467.273	-
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	300.308.677	2.744.602.014
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch Vinaconex	90.506.087	61.787.477
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Vinaconex	-	6.099.504.678
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	5.451.994.855	-
Công ty Cổ phần Bao bì Vinaconex	1.165.705.636	-
BĐH Dự án xây dựng ĐHQG TP Hồ Chí Minh	38.005.526	-
BĐH thi công GĐ 1 dự án KĐT Bắc An Khánh	92.389.204	-
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	447.569.444	1.411.666.667
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	7.800.000	511.914.000
<i>Chi phí hoạt động tài chính</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	3.299.445.000	-
<i>Cho vay ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	-	30.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Số dư với các bên liên quan:**

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
<i>Cho vay ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	-	5.400.000.000
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng số 45	1.250.000.000	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	550.000.000	550.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	-	11.600.000.000
<i>Dự phòng đầu tư dài hạn</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng số 45	(488.932.082)	(488.932.082)
<i>Phải thu khách hàng</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	19.995.206.067	17.657.641.497
Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	75.250.000	75.250.000
Công ty Xây dựng số 4	116.779.000	116.779.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	570.143.002	350.803.002
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	1.962.414.535	913.752.194
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	40.574.764	40.574.764
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	746.272.425	741.018.755
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	140.640.000	140.640.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	114.032.000	114.032.000
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	165.677.750	165.677.750
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	1.539.311.241	1.539.311.241
Công ty Cổ phần Đá Trắng Yên Bình	163.402.400	163.402.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và đô thị Vinaconex	5.711.925.622	-
BQL dự án Đầu tư xây dựng Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	176.047.364	147.430.140
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	-	22.673.965
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	1.091.307.709	-
<i>Ứng trước cho người bán</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	8.674.329.063	24.209.329.063
Công ty Cổ phần VIMECO	25.000.000	110.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	135.572.777	-
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	62.521.411	-
<i>Phải thu khác</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	1.619.991.777	1.172.422.333
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	-	261.878.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn	38.500.570	180.062.570

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 9

Tầng 4&5 Tòa nhà Vinaconex-9, Lô HH2-2 Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ
 ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
<i>Phải trả người bán</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	1.210.767.651	1.210.767.651
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	43.568.054.995	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	1.167.844.675	423.503.208
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	115.824.604	115.824.604
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	8.527.002.500	6.745.825.500
Công ty Cổ phần Vinaconex 27	-	56.333.600
Công ty Cổ phần VIMECO	7.094.996.436	19.261.420.686
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	545.032.250	1.734.520.250
Công ty Cổ phần Tư Vấn, Đầu tư Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới (R&D)	82.202.000	82.202.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	-	60.858.298
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	4.280.067	1.030.692.817
BDH thi công GĐ 1 dự án KĐT Bắc An Khánh	10.000.000	-
<i>Người mua trả tiền trước</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	10.763.204.368	5.864.783.493
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	110.000.000	110.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	-	964.000.000
Công ty Cổ phần VIMECO	2.884.577.853	2.184.577.853
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	690.836.527	690.836.527
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	3.392.966.936	-
BDH Dự án xây dựng ĐHQG TP Hồ Chí Minh	17.178.246.352	10.061.498.893
BDH thi công GĐ 1 dự án KĐT Bắc An Khánh	80.855.397.386	26.603.316.671
BQL dự án Đầu tư xây dựng Mở rộng đường Láng - Hòa Lạc	111.389.676	16.107.465.125
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	583.334.000	1.273.000.000
<i>Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn</i>		
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	411.734.400	411.734.400
<i>Doanh thu chưa thực hiện</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	10.167.226.744	9.667.716.888
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	20.316.343.191	20.538.448.398
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	9.917.457.348	9.904.658.687

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ ngày 01/01/2011	Từ ngày 01/01/2010
	đến ngày 30/06/2011	đến ngày 30/06/2010
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	555.455.061	445.672.660

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010. Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Phạm Văn Hải
Tổng Giám đốc

Lại Văn Thăng
Kế toán trưởng*Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2011*